

NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG CỐT TRUYỆN CỦA TIỂU THUYẾT VIỆT NAM 1940-1945

■ Nguyễn Thu Hường *

TÓM TẮT

Tiểu thuyết Việt Nam chặng đường 1940-1945 đổi mới trên nhiều bình diện, trong đó có sự đổi mới về nghệ thuật xây dựng cốt truyện. Bên cạnh những tiểu thuyết được viết theo kiểu cốt truyện truyền thống thì đã xuất hiện nhiều tiểu thuyết có cốt truyện hướng tới tâm lý bên trong nhân vật. Đi liền với sự cách tân đó là xu hướng nói lỏng cốt truyện đã làm cho các tiểu thuyết này có màu sắc hiện đại hơn so với tiểu thuyết truyền thống. Bên cạnh đó, sự nở rộ hàng loạt các tiểu thuyết có sắc thái tự truyện được viết theo kiểu "truyện không có chuyện" đã làm nên một nét mới trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện ở chặng đường văn học này.

ABSTRACT

The trends of plot development for novel in Vietnam during 1940-1945

Novels 1940-1945 Vietnam innovative way on multiple dimensions, including innovation in arts building plot. Besides the novel is written in the traditional style plot has appeared many novel plot towards the psychology of the character. Associated with this innovation trend has eased plot makes this novel a modern color than traditional novels. Besides, the flourishing series of autobiographical novels written signature style "story has no story" has a new definition of the art building plot in this literary journey.

I. Đặt vấn đề

Theo cách hiểu truyền thống thì cốt truyện là tiến trình phát triển của các sự kiện, biến cố, có vai trò vô cùng quan trọng trong việc tạo nên hình thức vận động của truyện. Những sự kiện, biến cố trong mỗi tác phẩm lại được hình thành từ hàng loạt các hành động của nhân vật. Và như vậy, hành động của nhân vật chính là nhân tố đầu tiên và chủ yếu để làm nên cốt truyện. Tác giả G.N.Pospelov trong công trình *Dẫn luận nghiên cứu văn học* đã chỉ ra: "Trong một số trường hợp, cốt truyện được xây dựng trên cơ sở miêu tả các hành động dứt khoát của nhân vật, trên các thời điểm "nút", bước ngoặt trong cuộc đời nhân vật". Điều đó có nghĩa là các hành động, biến cố trong mỗi câu chuyện mới là cái "lõi" tạo nên sự lôi cuốn, hấp dẫn đối với người đọc. Tuy nhiên, thực tế đã cho thấy sự phát triển của hành động, biến cố không phải là yếu tố duy nhất tạo nên giá trị, sức hấp dẫn của tác

phẩm văn học.

Việc tìm hiểu xu hướng nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tiểu thuyết chặng đường văn học 1940-1945 là một phương diện giúp ta thấy được sự kế thừa cũng như sự sáng tạo của các nhà văn trên phương diện này, từ đó thấy rõ hơn sự phát triển về tư duy nghệ thuật của các tác giả cũng như quá trình hiện đại hóa của nền văn học dân tộc.

II. Nội dung

Tiểu thuyết Việt Nam chặng đường 1940-1945 vẫn nằm trong hệ hình tư duy tiểu thuyết truyền thống nên vẫn có không ít tác phẩm vẫn được viết theo mô hình lấy chi tiết, sự kiện làm yếu tố chính để cấu thành nên truyện. Các chi tiết, sự kiện được gắn kết chặt chẽ, tạo nên sức lôi cuốn và hấp dẫn đối với người đọc.

1. Những chi tiết, sự kiện mang đậm tính chân

* Th.S, Trường ĐH Giáo dục, ĐHQGHN

thực của hiện thực đời thường

Tác phẩm văn học là một hệ thống chi tiết nghệ thuật. Trong hệ thống ấy sẽ có những chi tiết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng làm nổi bật chủ đề tư tưởng và đẩy mạch vận động của tác phẩm. Tuy nhiên, trên thực tế sáng tác đã có những tác phẩm có cốt truyện rất giản dị, ở đó những chi tiết, sự kiện hiện lên một cách tự nhiên từ chính hiện thực mội mạc, gần gũi của cuộc sống đời thường.

1.1. Chi tiết thể hiện cuộc sống cùng quần, bế tắc, đầy khổ đau bất hạnh của người dân nghèo và tiếng nói lên án chế độ cầm quyền

Tiểu thuyết Việt Nam 1940-1945, xét về số lượng tuy không nhiều như truyện ngắn nhưng cũng đã kịp thời phản ánh số phận của nhiều cuộc đời, nhiều hoàn cảnh đa dạng. Nếu xét trên từng phạm vi phản ánh thì có tiểu thuyết đề cập đến những kiếp sống quần quanh, buồn bã, bị dồn đẩy tới đói nghèo, ly tán, tha hương của những người thợ thủ công (như *Quê người* của Tô Hoài), những tiểu thuyết miêu tả một cách chân thật và sâu sắc tới cuộc sống nghèo khổ, bấp bênh, bế tắc của những người dân nghèo thành thị (như *Ngoại ô*, *Ngõ hẻm* của Nguyễn Đình Lạp). Bên cạnh đó cũng có những tiểu thuyết trực tiếp đề cập tới nỗi khổ đau, bất hạnh của những người phụ nữ phải sống trong quan niệm, hủ tục, định kiến của gia đình và xã hội (như *Làm lẽ*, *Sống nhờ* của Mạnh Phú Tu),...

Ngoại ô và *Ngõ hẻm* được coi là một bộ tiểu thuyết liên hoàn của nhà văn Nguyễn Đình Lạp. Thông qua những trang viết của nhà văn, chân dung và mảnh đời của biết bao hạng người lao động từ bán hàng cơm, hàng nước, hàng rau, hàng thịt, đến đạp xích lô, đẩy xe bò,... đều lần lượt hiện lên đầy ám ảnh. Họ sống mòn mỏi, bấp bênh trong thế giới tối tăm, bùn lầy nước đọng dành riêng cho người nghèo bên cạnh Hà thành hoa lệ. Có thể tìm thấy trong hai tiểu thuyết này rất nhiều chi tiết thể hiện tội ác tày trời của giai cấp thống trị và bọn tay sai trong chế độ thực dân nửa phong kiến. Chính chúng đã thi hành những chính sách tàn bạo, bất công và những thủ đoạn đê nén bóc lột người dân nghèo

vô tội. Ở *Ngoại ô*, trong lúc người dân đang bán hàng "chạy như tôm tươi" thì lệnh cấm giò chả thành lình được ban hành, nó giống như "một tiếng sét dữ dội đánh mạnh trên mái nhà bác Vương và những người đồng nghề với bác", để rồi sau đó gia đình bác cũng như những gia đình khác liên tiếp hứng chịu bao tai họa ò ạt kéo đến. Thông qua chi tiết này, tác giả muốn tạo ra sự tương phản giữa hai quãng thời gian của cuộc đời bác Vương trước và sau khi lệnh cấm thi hành buôn bán giò chả. Trước: hạnh phúc, vui vẻ. Sau: tan nát, chia lìa. Từ đó tác giả cho người đọc thấy rằng, chính sách vô lý ấy là nguyên nhân trực tiếp đẩy những con người khốn khổ rơi vào hố sâu của những bi kịch không lối thoát. Hay như cảnh bác Vương gái bị bắt rồi bị đe dọa; cảnh bác phải cởi hết quần áo để cho "bọn ác ôn" khám xét thân thể mình đã cho người đọc thấy được tính thô bỉ, tàn bạo và bản chất vô nhân đạo của bộ máy thống trị. Ở phần cuối tác phẩm, sự kiện bác Vương gái bất ngờ chết vì bệnh tả lại một lần nữa vạch rõ bản chất tàn nhẫn, vô tình của xã hội lúc bấy giờ. Thông qua những chi tiết, sự kiện đậm chất hiện thực ấy, tác phẩm không chỉ lên án bản chất bóc lột tàn nhẫn của bọn tay sai mà còn gióng lên một hồi chuông báo động đối với xã hội đương thời, một xã hội mà con người chỉ biết sống ích kỷ, vô tâm trước nỗi đau của người khác.

Với cảm hứng nhân văn đời thường cùng với bút pháp tả chân linh hoạt, Tô Hoài cũng tái hiện bức tranh đời sống của người dân vùng ven đô với những cảnh nghèo đói, tang thương. Trong *Quê người*, chi tiết anh Thoại xông vào đánh bác cả Thóc "một trận kịch liệt" cũng xuất phát từ việc bác cả Thóc nợ anh Thoại mà không trả được, hay chi tiết Bướm "nhai nhai, ray rứt" khiến cho Thoại không chịu được đã xông vào đánh vợ chỉ vì không đòi được tiền nợ ấy, cũng đều xuất phát từ cái nghèo, cái đói, cái cơ cực trong cuộc sống của người dân. Hay những chi tiết đặc tả cảnh chợ quê trong những năm nạn đói hoành hành đã cho thấy rõ sự sa sút, tiêu điều của một vùng quê vào thời kì kinh tế khủng hoảng. Có thể thấy ở *Quê người*, Tô Hoài đã dựng lên một bức tranh về đời sống của người dân quê với những hình ảnh rất cụ thể và chân thực. Tuy không trực tiếp

đề cập đến những mâu thuẫn giai cấp sục sôi, quyết liệt như văn học ở những chặng đường trước nhưng người đọc vẫn cảm nhận một cách thấm thía bức tranh hiện thực đen tối, ảm đạm và ngọt ngào của một đất nước thuộc địa nửa phong kiến trước Cách mạng tháng Tám.

Tiểu thuyết *Làm lễ* của Mạnh Phú Tư đã kể lại cuộc đời của nhân vật chính là Trác, người phụ nữ sống trong cảnh lễ mọn phải chịu đủ mọi nhục nhằn, đắng cay dưới sự hành hạ áp bức tàn bạo của người vợ cả. Trong con mắt của những người trong gia đình nhà chồng, Trác chỉ là một đứa ở, một vật sở hữu, một món hàng không hơn không kém và có thể đem ra mua bán. Cuộc mua bán, mặc cả giữa bà mẹ của Trác với bà Tuấn, mẹ vợ của cậu Phán được coi là một chi tiết khá đặc sắc, có giá trị không kém gì một đoạn phim hài hước, rất hay và sinh động. *Làm lễ* được kết thúc bằng chi tiết Trác dắt con đi giữa đám tang chồng trong sự tủi cực của một người vợ lẽ giờ đã góa bụa đã góp phần làm cho bức tranh phản ánh hiện thực thêm phong phú và có chiều sâu mới.

1.2. Tái hiện một cách chân thực những nét phong tục, tập quán đẹp và những lễ thói, hủ tục lạc hậu của con người

Có thể nói, văn xuôi Việt Nam trước những năm 1940-1945, đã từng xuất hiện những cây bút viết về phong tục có tên tuổi như Khái Hưng, Trần Tiêu, Ngô Tất Tố,... Nhưng đến những năm 1940-1945, khuynh hướng phong tục đã trở thành một trong những nguồn cảm hứng chủ đạo trong sự nghiệp của nhiều nhà văn. Nói cách khác, một trong những cách tiếp cận đời sống của tiểu thuyết Việt Nam 1940-1945 là việc tái hiện một cách sinh động những nét phong tục, tập quán đẹp cũng như những lễ thói, hủ tục lạc hậu của con người trong xã hội phong kiến xưa.

Trong số các nhà văn ở chặng đường này, Tô Hoài vẫn nổi bật là một cây bút hiện thực xuất sắc trên phương diện viết về phong tục. Điều này được giải thích từ chính quan niệm về cuộc sống của Tô Hoài. Trong Tự truyện, nhà văn đã chia sẻ rằng ông chỉ có thể viết về những sự việc xảy ra trong nhà, trong

làng mình, tức là những gì mà nhà văn quen thuộc, am hiểu, những gì mà bản thân nhà văn được trải nghiệm, chiêm nghiệm và trở thành thân thiết, gắn bó máu thịt với nhà văn. Đọc Tô Hoài, ta thấy được cả những thói quen từ cách ăn mặc, nói năng, vui chơi, giao tiếp ứng xử, lễ nghi của con người ở một vùng quê, một dân tộc. Vì thế, có thể nói, nhãn quan phong tục đã trở thành một trong những nét riêng, vô cùng đặc sắc và hấp dẫn của ngòi bút Tô Hoài.

Trong *Quê người*, có nhiều chi tiết thể hiện cuộc sống quen thuộc của người dân quê. Đó là cảnh những đêm trăng sáng đẹp đẽ, thơ mộng, đám gái trai trong làng tụ tập ngồi hát xướng và tán chuyện phiếm; cảnh làng quê bước vào hội mùa xuân hay những đêm hát chèo đông vui nhộn nhịp. Đó còn là không khí tấp nập, đông vui của một đám cưới, đám rước dâu và phong tục người thân tặng quà cho cô dâu để "*làm chút vốn liếng*" trước khi về nhà chồng,... Những việc làm đó đã trở thành lối sống, phong tục tốt đẹp của người dân Việt Nam ta từ ngàn đời nay.

Ngõ hẻm của Nguyễn Đình Lạp cũng thể hiện một cách tự nhiên và chân thật những truyền thống đạo lý tốt đẹp của con người Việt Nam. Trong tác phẩm, nhiều chi tiết đã cho thấy tình cảm vợ chồng, tình cha con, tình mẫu tử, tình bạn bè khăng khít và tình làng xóm tắt lửa tối đèn có nhau. Đọc *Ngõ hẻm*, độc giả đặc biệt xúc động trước tình bạn của vợ chồng Nhớn và vợ chồng Sẹo. Chi tiết Bưởi đã đem cầm đôi khuyên vàng để lấy tiền giúp đỡ Nhớn và Khuyên trốn đi Hòn Gai, rồi khi con Khuyên thiếu sữa, ngày ngày Bưởi đến cho bú thêm hay khi Nhớn đánh nhau gặp nguy hiểm, Sẹo đã đỡ giùm lưỡi dao để rồi suốt đời mang trên thái dương một cái sẹo lớn đã chứng tỏ tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách, một nét đẹp trong đạo lý dân tộc ta từ hàng ngàn đời nay.

Bên cạnh những nét đẹp về truyền thống đạo lý, tiểu thuyết Việt Nam 1940-1945 cũng miêu tả không ít những hạn chế của những lễ thói, hủ tục lạc hậu của con người trong xã hội phong kiến xưa.

Trong xã hội ấy, người ta đặc biệt tuân thủ một

mục quan niệm cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy theo đúng tinh thần Nho giáo. Chính vì thế, bố mẹ Bướm trong *Quê người* của Tô Hoài đã ép gả con gái cho anh chàng "mắt có lông quặm, mở chẳng ra" nhưng lại là "con nhà danh giá và giàu có". Còn Lụa- cô gái mười tám đôi mươi tràn đầy sức sống lại bị cha mẹ đồng ý gả cho Toàn, "một thằng oắt con" và không mấy ngày vợ chồng không "hục hặc với nhau". Còn trong tiểu thuyết *Ngoại ô* của Nguyễn Đình Lạp, bác Vuông cũng đem kiêu hôn nhân cổ hủ để trói buộc Khuyên, con gái bác cho Pháo, một anh chàng xấu xí và đần độn chỉ vì tình bạn thâm giao của hai gia đình chứ không xuất phát từ tình cảm của con. Hay chính việc bác Vuông gả không sinh được một mụn con giai cũng bị coi là một tội. Tự cảm thấy mình có lỗi vì sinh con một bề nên bác Vuông gả đã te tái "chạy ngược chạy xuôi" đi tìm vợ lẽ cho chồng để mong kiếm thêm thằng cu nối dõi tông đường. Hay chi tiết trước khi đi bán hàng, bác Vuông sẽ rất sung sướng nếu gặp khách mở hàng là một người đàn ông, đặc biệt là "một đứa trai hầy còn tinh khiết" vì bác quan niệm "gặp một vía trai bằng hai vía gái". Những chi tiết này chứng tỏ tư tưởng trọng nam khinh nữ đã ăn sâu vào trong nếp nghĩ của những người dân vùng ven đô nói chung và vợ chồng bác nói riêng.

Những tập tục xấu, thói quen xấu trong cách ứng xử của người dân quê cũng được nhiều tác giả đưa vào trang viết. Ở tiểu thuyết *Quê người*, bà Ba đã vác mõ đi chửi rao khắp làng chỉ vì thấy cháu gái bà bị đặt điều vu cáo. Tiếng chửi của bà như được truyền lại "nguyên bản từ xưa xưa" và bây giờ đến lượt các cô gái trẻ lại ngấp nghé sau các cánh cửa để "nhằm học lấy làm lòng". Còn mẹ Ấm trong tiểu thuyết *Ngõ hẻm* của Nguyễn Đình Lạp đã chửi "năm đời, mười đời đứa nào ăn trộm gà" của nhà mẹ. Rất nhiều cuộc khẩu chiến như vậy được diễn ra thường xuyên ngay trong cái làng quê bé nhỏ chỉ vì những điều không vừa ý, vì sự thua thiệt cá nhân để rồi sẽ biến thành những cuộc ẩu đả quyết liệt không phân thắng bại.

Mạnh Phú Tư trong *Sống nhờ* cũng miêu tả chân thực và tỉ mỉ về cảnh ngộ của người phụ nữ góa

chồng từ khi mới mười bảy, mười tám tuổi. Mỗi bước đi, mỗi hành động của người phụ nữ ấy đều bị chiếc bóng của bà mẹ chồng canh chừng theo dõi. Chính vì thế, khi chị đi bước nữa thì mọi điều tiếng nguyên rủa đều không ngớt vang lên. Còn trong *Cỏ dại*, Tô Hoài đã chỉ ra thói tục xấu của người đàn ông hể cứ uống rượu là đánh vợ hay thói quen tằn tiện đến khốn khổ của người nông dân "không dám mất một xu nào cho bác phó cạo" để rồi "nhiều lần lưỡi dao mấp xuống da, chảy máu ròng ròng". Rõ ràng, các nhà văn giai đoạn cuối đã đi sâu vào tận cùng những khốn khổ của người nông dân. Và các nhà văn đã chỉ ra rằng, người nông dân khổ không chỉ vì nghèo đói, vì những hủ tục xấu, mà còn bởi chính quan niệm cũ kĩ và cách sống khổ sở tự đầy đọa mình.

2. Sự gia tăng tình huống tâm lý và xu hướng nói lòng cốt truyện

Tìm hiểu nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tiểu thuyết Việt Nam 1940-1945, chúng tôi thấy bên cạnh những tiểu thuyết được xây dựng theo mô hình cốt truyện của tiểu thuyết truyền thống thì cũng có nhiều tác phẩm có cốt truyện được giãn ra một cách tối đa, tức là trong truyện xuất hiện rất ít các sự kiện, biến cố lớn lao. Lựa chọn kiểu cốt truyện như vậy, nhà văn luôn phải tạo ra những tình huống tâm lý, có nghĩa là thông qua những tình huống tâm lý, nhân vật sẽ thể hiện con người thật và những nét tính cách thật của mình. Đời sống tâm lý của nhân vật, do vậy, được bộc lộ trong dạng thức phức tạp và sâu sắc nhất. Điều này sẽ dẫn tới xu hướng nói lòng cốt truyện trong tiểu thuyết Việt Nam 1940-1945. Đây cũng là lý do khiến nhiều người cho rằng tiểu thuyết ở chặng đường này rất khó kể lại theo trình tự các sự kiện như các tiểu thuyết truyền thống.

Bướm trắng của Nhất Linh là tiểu thuyết tiêu biểu được viết theo xu hướng này. *Bướm trắng* mô tả quãng đời gập ghềnh của Trương, một thanh niên trí thức đang lâm vào sự tuyệt vọng, bị ám ảnh về cái chết. Muốn trốn tránh mối tình vô vọng, chàng lao vào cuộc sống ăn chơi, trụy lạc, phung phí tiền bạc, hút thuốc phiện, gái nháy, cá ngựa để cho chóng chết. Khi hết tiền, chàng nghĩ cách thắt kết,

bị vào tù, ra tù rồi bỗng nhiên chàng khỏi bệnh. Gặp lại người yêu, Trương thấy mình bệ rạc, xa cách. Chàng điên rồ tìm cách hò hẹn, âm mưu thoả mãn giết người rồi tự tử. Nhưng cuối cùng chàng từ bỏ ý đồ đen tối để trở về quê sống với người con gái đã từng thầm yêu chàng.

Hệ thống sự kiện được tác giả kể lại gọn gàng, đơn giản, tập trung thể hiện những dẫn vật, xung đột, những tình huống tâm lý vừa tinh vi, vừa dữ dội của nhân vật. Sự rút gọn các biến cố, sự kiện trong cốt truyện đã tạo điều kiện cho nhà văn phiêu du vào chiều sâu thế giới bên trong tâm hồn nhân vật, từ đó phát hiện ra những bến bờ xa lạ không thể biết trước của bản năng, linh cảm, tiềm thức và vô thức. Một cốt truyện như vậy đã chứng tỏ sự phát triển vượt bậc của ngòi bút Nhất Linh trong tiến trình hiện đại bút pháp tiểu thuyết.

Là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn, Khái Hưng cũng là một nhà văn có công rất đáng kể vào quá trình hiện đại hóa nền văn học dân tộc. Có thể nói, tiểu thuyết của Khái Hưng rất chú trọng đến thế giới cảm xúc, cảm giác phong phú bên trong tâm hồn nhân vật. Hơn thế, trong nhiều tiểu thuyết, tác giả không chỉ chú trọng mà còn lấy diễn biến tâm lý nhân vật làm cốt truyện. Đọc các tiểu thuyết *Bản thảo*, *Đẹp* của Khái Hưng, độc giả dễ nhận ra cốt truyện vừa có xu hướng đi sâu vào tâm lý nhân vật, vừa có xu hướng rời lỏng. Truyện ở đây dường như không có chuyện. Sự việc thưa, ít, hoạt động của nhân vật cũng không nhiều. Tác giả dường như chỉ chú ý theo dõi, diễn tả mạch cảm xúc trong tâm hồn nhân vật, những cảm giác, suy nghĩ, liên tưởng, hồi ức, giấc mơ, ẩn ức,... Nói cách khác, câu chuyện được kể chính là hành trình của thế giới bên trong tâm hồn nhân vật vô cùng phong phú, đa dạng, phức tạp và ngày càng được kéo dài và nở rộng mãi ra.

Tiểu thuyết *Hơi thở tàn* của Nguyễn Hồng mô tả bức tranh đời sống của tầng lớp dân nghèo ở vùng ngoại ô Hà Nội trong những năm đói kém, khó khăn trước Cách mạng. Với cốt truyện đơn giản, rất ít sự kiện và biến cố lớn lao, *Hơi thở tàn* của Nguyễn Hồng có cơ hội tập trung đi sâu vào miêu tả những

trạng thái tâm hồn, những suy nghĩ, trải nghiệm cuộc đời cùng những quan sát về cuộc sống của nhân vật Sinh. Tác phẩm ẩn chứa một niềm tin vào tương lai tốt đẹp và ca ngợi những tấm lòng luôn dồi dào tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau của những con người nghèo khổ.

3. Tiểu thuyết có sắc thái tự truyện - một dạng tiểu thuyết bộc lộ rõ nhất kiểu "truyện không có chuyện"

Có thể nói, kể từ khi *Những ngày thơ ấu* (1938) của Nguyễn Hồng ra đời đã xuất hiện liên tiếp nhiều tiểu thuyết có sắc thái tự truyện. Sự nở rộ của loại hình tiểu thuyết này có thể được lý giải bởi chính bối cảnh xã hội Việt Nam lúc bấy giờ cũng như bản thân nhu cầu đổi mới của văn học. Sau thời kì Mặt trận dân chủ (1936-1939), bầu không khí xã hội Việt Nam không còn dễ thở như trước. Sự kìm kẹp gắt gao của chính quyền thực dân không cho phép các nhà văn trực tiếp phản ánh những vấn đề to lớn, những xung đột xã hội với những nhân vật điển hình, phản diện thuộc tầng lớp thống trị nữa. Họ phải tìm đến những mảng đề tài mới để tránh tai mắt kẻ thù. Chính vì vậy, Văn học Việt Nam chặng đường 1940-1945 đã chuyển sang phản ánh những vấn đề riêng tư, những chuyện hàng ngày. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là loại hình tiểu thuyết này ra đời như một sự hạn chế, một bước lùi của văn học. Thực tế sáng tác cho thấy tiểu thuyết có sắc thái tự truyện đáp ứng được nhu cầu hướng nội của văn học, giúp nhà văn đi vào chiều sâu của sự suy tư, lắng đọng hơn và thấm đậm ý vị triết lý thâm trầm. Do vậy nó đã trở thành phương tiện độc đáo và đặc lực giúp các nhà văn khắc phục hạn chế của thời đại, đồng thời bộc lộ ưu điểm và tài năng sáng tạo của mình.

Sống nhờ được viết nên từ những tình tiết có thật trong đời tư của nhà văn Mạnh Phú Tư. Tác phẩm kể về quãng đời tuổi thơ cơ cực, tủi nhục, đầy những đau buồn của nhân vật Dần - nhân vật trung tâm của tác phẩm. *Sống nhờ* có cốt truyện tương đối đơn giản, một kiểu cốt truyện không có chuyện, không có nhiều biến cố, sự kiện căng thẳng, không có những cao trào, những đỉnh điểm của mâu thuẫn mà chỉ toàn là những hồi ức, những kỷ niệm vui

ít mà buồn nhiều trong thời thơ ấu của Dần. Thế nhưng chính những vấn đề vật vãnh mang tính chất đời tư ấy lại có tầm khái quát lớn. Qua việc tái hiện lại một quãng đời đáng nhớ của mình, tác phẩm đã gián tiếp lên tiếng bảo vệ và bênh vực quyền sống, quyền được yêu thương của con trẻ, đồng thời vạch trần bản chất vô nhân đạo của xã hội thực dân phong kiến, lên án những con người tàn ác với lối sống ích kỉ, hẹp hòi. Nói cách khác, sức hấp dẫn của tác phẩm không chỉ ở vấn đề cá nhân mà tác giả đặt ra mà còn bởi sức khái quát nghệ thuật cao cũng như chiều sâu tư tưởng của nó.

Cỏ dại của Tô Hoài là một cuốn tiểu thuyết viết về tuổi thơ của tác giả với những cỏ dại hoa đồng, những chuyện vụn vặt, nhem nhọ đời thường. Tác phẩm giống như một cuốn phim quay chậm, ghi lại chuỗi ngày tầm thường nhạt nhẽo của một cậu bé - nhân vật "tôi". Thông qua con mắt quan sát của cậu bé ấy, những chuyện của gia đình ông bà ngoại, của mẹ, của bố, của quê nội cho đến chuyện của bác thợ cạo, anh kẹo socola, người phu trạm đưa thư, hay chuyện ngôi nhà có ba, bốn chủ ở phố,... đều hiện lên thật cụ thể, chân thật và sống động. Tô Hoài phải là một ngòi bút có biệt tài cùng sự tự tin lắm mới dám đưa những chuyện nhếch nhác, tầm thường tưởng như chẳng có gì đáng viết ấy lên mặt giấy, nhất là đưa ra khiến đây đó không ít người như thấy bóng dáng của chính mình trong tác phẩm.

Mục mài nước mắt của Lan Khai cũng là một tiểu thuyết có sắc thái tự truyện, ở đó cốt truyện được xây dựng khá đơn giản. Tác phẩm viết về cảnh sống "đời tàn trong ngõ hẹp", về những chuyện đời tư, thường ngày của người nghệ sĩ nghèo trong xã hội cũ. Tác giả đã không ngần ngại đưa vào tác phẩm của mình cả những chuyện cãi cọ, bất đồng quan điểm của vợ chồng Khải, chuyện cha con Khải không hiểu nhau do khác xa về thời đại, về tư tưởng, chuyện làng xóm "lời ra tiếng vào" về anh con trai cụ lang Chúc vô tích sự, chuyện bạn bè tụ tập, bàn luận sự đời, say rượu, bất mãn,... Song đằng sau những cái tưởng như chẳng có gì đáng nói ấy lại tạo ra một hiệu quả nghệ thuật cao và đem đến cho tác phẩm chiều sâu tư tưởng. Thông qua nhân vật

Khải, Lan Khai đã vẽ lên một bức tranh chân thực về cuộc sống của người trí thức trong xã hội thuộc địa, tuy không đến nỗi đói rét, thê thảm nhưng cũng bị đát vì nghèo khổ, tủi nhục và chết mòn về tinh thần. Mục mài nước mắt là câu chuyện của văn sĩ Khải, nhưng cũng là câu chuyện về cuộc đời, sự nghiệp và ước vọng của chính Lan Khai. Cho nên, có thể nói, tuy cốt truyện của Mục mài nước mắt khá đơn giản nhưng lại mở ra khả năng khái quát hiện thực cuộc sống rộng lớn, sâu sắc. Mục mài nước mắt, vì thế, đã giúp người đọc hiểu thêm con người nhà văn, về quan niệm nghệ thuật và dấu ấn phong cách tác giả.

Cai của Vũ Bằng là tiểu thuyết mang đậm màu sắc tự truyện. Trong tiểu thuyết *Cai*, nhà văn thể hiện cái nhìn cuộc sống từ góc độ đời tư bằng việc tập trung tái hiện lại cuộc sống của mình trong đoạn đời tuổi trẻ mắc phải cái bẫy của "nàng tiên nâu". Viết tiểu thuyết *Cai*, Vũ Bằng không cố ý thủ tiêu hoàn toàn vai trò của cốt truyện nhưng có lẽ sự làm mờ đi vai trò của cốt truyện hay là một sự "kể lại" cực kỳ đơn giản tới mức hầu như không còn gì lại là điểm đặc biệt hấp dẫn trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện của *Cai*. Đọc *Cai*, ta nhận ra cái đích chính của tiểu thuyết *Cai* chính là sự giải bày một cách thống thiết cảm xúc, tâm trạng của một người đã từng là con nghiện. Nhiều trang được tác giả viết như một lời tự thú, một lời tâm tình. Ở đó, những sự kiện, hành động bên ngoài đánh dấu sự thay đổi số phận nhân vật được giản lược đến mức độ tối đa. Thay vào đó, nhà văn đã đặt nhân vật trong những tình huống tâm lý khác nhau để từ đó nhân vật thể hiện bản lĩnh và tính cách của mình.

Sống mòn của Nam Cao cũng là truyện không có chuyện, ở đó diễn biến các sự kiện bị nới lỏng, rộng ra, chùng xuống, chậm chạp một cách đáng sợ chứ không căng thẳng, dồn dập như *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố hay giàu kịch tính như *Giông tố*, *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng. Tác phẩm giống như một cuốn nhật ký ghi chép tỉ mỉ, chi tiết những chuyện vật vãnh hàng ngày diễn ra xung quanh cuộc sống sinh hoạt của mấy "giáo khổ trường tư". Các chi tiết, sự kiện trong *Sống mòn* không được tổ chức tập trung

để triển khai sự kiện chính và cũng không được tổ chức để tạo mâu thuẫn. Xung đột cũng không có. Những tình tiết đóng vai trò thúc đẩy sự triển khai của cốt truyện như thắt nút, cao trào, mở nút,... đều thiếu. Có thể chỉ ra một vài sự kiện như chuyện ghen tuông đố kỵ, chuyện bối mớic trả đũa, chuyện ăn uống, giá cả sinh hoạt hay những va chạm nhỏ hàng ngày,... nhưng tất cả những sự kiện này đều không có quan hệ nhân quả, không nối tiếp để thúc đẩy mạch truyện và dường như giữa chúng cũng ít có mối quan hệ với nhau. Với việc từ bỏ một cốt truyện liền mạch, Nam Cao muốn người đọc cùng quan sát, suy ngẫm, cùng phân tích hiện thực, cuộc sống và con người để từ mỗi chi tiết, mỗi nhân vật, người đọc buộc phải suy nghĩ, nhận thức lại bản thân và xã hội xung quanh. Và thay thế cho một cốt truyện gay cấn, hồi hộp, *Sống mòn* lại hướng người đọc vào chiều sâu của sự suy nghĩ, nhận thức. Do đó, *Sống mòn* được nhiều người đánh giá là loại tiểu thuyết lựa chọn người đọc, còn tác giả của nó đã chứng tỏ một lối viết mới, thể hiện bản lĩnh nghệ thuật già dặn, vững vàng của một văn tài đã chín.

III. Kết luận

Tìm hiểu nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tiểu thuyết Việt Nam 1940-1945 chúng tôi thấy, bên cạnh những truyện được xây dựng theo mô hình của cốt truyện truyền thống với sự chú trọng vai trò của những hành động, sự kiện và biến cố bên ngoài nhân vật thì cốt truyện của tiểu thuyết chặng đường 1940-1945 đã hướng tới nhân vật và chú ý đến hành

động bên trong nhân vật. Cùng với nó là xu hướng nói lỏng cốt truyện và sự gia tăng các trạng thái, tình huống tâm lý. Đây chính là những điểm cách tân đáng chú ý trong nghệ thuật viết truyện của các nhà văn cũng như thể hiện phong cách và bản lĩnh nghệ thuật già dặn của các tác giả chặng đường này.

Một điểm đáng chú ý trong nghệ thuật xây dựng cốt truyện của tiểu thuyết Việt Nam chặng đường này là việc xây dựng nên những truyện “không có chuyện”, tức là nếu kể lại thì hầu như không có sự kiện gì để kể. Có chăng chỉ là sự xuất hiện của một số sự kiện ít ỏi và chỉ để bộc lộ tâm lý nhân vật mà thôi. Gắn liền với kiểu cốt truyện này là sự ra đời của hàng loạt các tiểu thuyết có sắc thái tự truyện của các tác giả Tô Hoài, Mạnh Phú Tư, Nam Cao, Vũ Bằng, Lan Khai,... Dù không trực tiếp miêu tả mâu thuẫn, xung đột xã hội, nhưng thông qua cách nhìn, cách cảm nhận của cái tôi cá nhân, các tác giả đã giúp người đọc hình dung được bối cảnh xã hội lúc bấy giờ. Nói cách khác, đọc những tiểu thuyết này, độc giả thấy rung động không chỉ vì những vấn đề cá nhân của người viết mà còn bởi sức khái quát và chiều sâu tư tưởng của nó. Đặt trong quá trình phát triển, sự ra đời của các tác phẩm này đã chứng tỏ sức sống mạnh mẽ cũng như sự tiến bộ vượt bậc của dòng chảy văn học dân tộc, đồng thời cũng đóng vai trò làm tiền đề, nền móng vững chắc cho sự nở rộ của hàng loạt các tác phẩm tự truyện sau này

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. M. Bakhtin (1992), *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết*, (Phạm Vĩnh Cư dịch và giới thiệu), Trường viết văn Nguyễn Du.
2. Phan Cự Đệ (2000), *Tiểu thuyết Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục.
3. M.B.Khrapchenko, *Cá tính sáng tạo của nhà văn và sự phát triển của văn học*, Nxb Tác phẩm mới, 1978 (Lê Sơn, Nguyễn Minh dịch).
4. Nguyễn Đăng Mạnh, *Khái luận*, in trong *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 32, Nxb Khoa học xã hội, 2000.
5. G.N.Pospelov, *Dẫn luận nghiên cứu văn học*, Nxb Giáo dục, 1985.
6. Trần Đình Sử (chủ biên), *Tự sự học, một số vấn đề lý luận và lịch sử* (2 tập), Nxb Đại học Sư Phạm, 2004, 2008.
7. Lê Trí Viễn, *Quy luật phát triển lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb Giáo dục, H.1999.